SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO ĐIỆN BIÊN
TRƯỜNG PT DTNT TỈNH ĐIỆN BIÊN

Biểu số 09

THÔNG BÁO

Cam kết chất lượng giáo dục của trường Phổ thông Dân tộc Nội trú tỉnh Điện Biên năm học 2021-2022

STT	Nội dung	Chia theo khối lớp		
		Lớp 10	Lớp 11	Lớp 12
I	Điều kiện tuyển sinh	Thi tuyển theo qui chế tuyển sinh của Bộ GD-ĐT; Hướng dẫn tuyển sinh số 731/SGDĐT-GDTrH ngày 09/4/2021 của Sở GD&ĐT; Thi theo đề chung của Sở GD&ĐT; Học sinh trúng tuyển được phê duyệt theo quyết định của Sở GD&ĐT	Xét lên lớp căn cứ vào kết quả xếp loại hạnh kiểm và học lực của học sinh được thực hiện theo qui định của Thông tư số 58/2011/TT-BGDĐT ngày 12/12/2011 của Bộ GD&ĐT ban hành và Thông tư 26/2020/TT-BGDĐT ngày 26/8/2020 của Bộ GD&ĐT về việc sửa Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế đánh giá, xếp loại học sinh trung học cơ sở và học sinh trung học phổ thông ban hành kèm theo Thông tư số 58/2011/TT-BGDĐT ngày 12 tháng 12 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.	- Thông tư 15/2020/TT-BGDĐT, ngày 26/5/2020 Quy chế thi TN THPT năm 2020; - Thông tư số 05/2021 / TT - BGDĐT, ngày 12/3/2021 Sửa đổi bổ sung Quy chế thi TN THPT 2021.

II	**Chương trình giáo dục mà cơ sở giáo dục thực hiện**	-Thực hiện theo khung chương trình GD phổ thông do Bộ GD&ĐT qui định, trên cơ sở nhà trường xây dựng Kế hoạch hoạt động giáo dục nhà trường phù hợp với đặc điểm học sinh của trường. -Tổ chức lồng ghép các hoạt động dạy học gồm: Tự chọn, phụ đạo, bồi dưỡng học sinh. -Tổ chức học 2 buổi/ngày	-Thực hiện theo khung chương trình GD phổ thông do Bộ GD&ĐT qui định, trên cơ sở nhà trường xây dựng Kế hoạch hoạt động giáo dục nhà trường phù hợp với đặc điểm học sinh của trường. -Tổ chức lồng ghép các hoạt động dạy học gồm: Tự chọn, phụ đạo, bồi dưỡng học sinh. -Tổ chức học 2 buổi/ngày	-Thực hiện theo khung chương trình GD phổ thông do Bộ GD&ĐT qui định, trên cơ sở nhà trường xây dựng Kế hoạch hoạt động giáo dục nhà trường phù hợp với đặc điểm học sinh của trường. -Tổ chức lồng ghép các hoạt động dạy học gồm: Tự chọn, phụ đạo, bồi dưỡng học sinh. - Ôn thi TN THPT. -Tổ chức học 2 buổi/ngày
III	**Yêu cầu về phối hợp giữa cơ sở giáo dục và gia đình; Yêu cầu về thái độ học tập của học sinh**	*** Sự phối hợp giữa nhà trường, gia đình và xã hội:** - Tổ chức họp phụ huynh vào đầu năm học. -Trong năm học nhà trường trao đổi thông tin với gia đình học sinh 2 lần vào dịp kết thúc học kỳ I và cuối năm học thông qua thư liên lạc gửi về gia đình, qua trao đổi trực tiếp với phụ huynh khi cần, qua thông báo với UBND xã, lãnh đạo các huyện, thị, thành phố có học sinh đang học tại trường. - Thống nhất quan điểm, nội dung, phương pháp giáo dục giữa nhà trường và gia đình. - Huy động mọi nguồn lực của cộng đồng cùng chăm lo sự nghiệp giáo dục của trường. - Xây dựng môi trường giáo dục lành mạnh. *** Yêu cầu về thái độ học tập của học sinh:** - Học sinh phải kính trọng thầy giáo, cô giáo , cán bộ và nhân viên của nhà trường; đoàn kết giúp đỡ lẫn nhau trong học tập, rèn luyện; thực hiện điều lệ, nội quy nhà trường; chấp hành pháp luật của Nhà nước; - Thực hiện nhiệm vụ học tập, rèn luyện theo chương trình, kế hoạch giáo dục của nhà trường ;		

		- Rèn luyện thân thể, giữ gìn vệ sinh cá nhân, giữ gìn và bảo vệ môi trường; - Tham gia các hoạt động tập thể của trường, của lớp, của Đoàn TNCS Hồ Chí Minh, tham gia công tác xã hội; - Giữ gìn, bảo vệ tài sản của nhà trường, nơi công cộng; góp phần xây dựng, bảo vệ và phát huy truyền thống của nhà trường; - Có hành vi, ngôn ngữ ứng xử, trang phục theo đúng qui định của nhà trường; - Không vi phạm những điều cấm đối với học sinh theo qui định tại Điều 37 của điều lệ Trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học (Ban hành kèm theo Thông tư số 32/2020/TT-BGDĐT ngày 15/6/2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo). - Có thái độ tích cực, đấu tranh ngăn chặn những hành vi bị cấm ở trong nhà trường và giúp bạn cùng tiến bộ; - Lên lớp học tập chuyên cần, không được bỏ học vì bất kỳ lí do nào.
IV	**Điều kiện cơ sở vật chất của cơ sở giáo dục cam kết phục vụ học sinh (như các loại phòng phục vụ học tập, thiết bị dạy học, tin học ...)**	Có đủ các thiết bị dạy học tối thiểu theo qui định của Bộ GD&ĐT. Chế độ của học sinh được thực hiện theo Thông tư Liên tịch số: 109/2009/TTLT/BTC-BGDĐT, ngày 29/5/2009 Hướng dẫn một số chế độ tài chính đối với học sinh các trường phổ thông dân tộc nội trú và các trường dự bị đại học dân tộc: Học sinh được hưởng học bổng bằng 80% mức lương tối thiểu(1.490.000đ); cuối năm học sinh đạt danh hiệu HS giỏi được thưởng 600.000đ, HS đạt danh hiệu tiên tiến được thưởng 400.000đ. HS được hưởng trang cấp theo qui định. Có nhà ở ký túc xá và bếp ăn tập thể. Điều kiện về điện, nước, văn phòng phẩm đảm bảo đủ cho sinh hoạt và học tập. Môi trường học đường lành mạnh.
V	**Các hoạt động hỗ trợ học tập, sinh hoạt của học sinh ở cơ sở giáo dục**	Học sinh yếu, kém được học phụ đạo, bồi dưỡng kiến thức. Hàng tháng học sinh được tham gia các hoạt động ngoại khóa bổ trợ kiến thức các môn học, tham gia sinh hoạt tại các CLB theo sở thích, năng lực và nguyện vọng; tham gia các buổi tuyên truyền về: pháp luật, sức khỏe sinh sản, kỹ năng sống, môi trường, an toàn giao thông, tư vấn nghề nghiệp. Học sinh được nhận các học bổng có giá

		trị như học bổng Odon Vallet, học bổng Vingrup, Học bổng Bưu Điện, Học bổng Nâng Bước Em Đến Trường ... được nhận các quà tặng của các tổ chức, cá nhân tài trợ. Được tham gia các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể thao, các hoạt động mang tính truyền thống có tác dụng giáo dục lớn.

VI	**Kết quả đạo đức, học tập, sức khỏe của học sinh dự kiến đạt được**	**Khối 10**	**Khối 11**	**Khối 12**
		***Hạnh kiểm**: 100% TB trở lên, trong đó loại Tốt , Khá đạt 99% trở lên. 100% học sinh thực hiện đầy đủ các nhiệm vụ của người học sinh. ***Học lực**: 100% từ trung bình trở lên, trong đó loại Giỏi 15% trở lên; loại Khá 60% trở lên; * **Thi HSG cấp Tỉnh đạt:** 60 giải trở lên.	***Hạnh kiểm**: 100% TB trở lên, trong đó loại Tốt , Khá đạt 99% trở lên. 100% học sinh thực hiện đầy đủ các nhiệm vụ của người học sinh. ***Học lực** : 100% từ trung bình trở lên, trong đó loại Giỏi 30% trở lên; loại Khá 60% trở lên; * **Thi HSG cấp Tỉnh đạt:** 60 giải trở lên	***Hạnh kiểm**: 100% TB trở lên, trong đó loại Tốt , Khá đạt 99% trở lên. 100% học sinh thực hiện đầy đủ các nhiệm vụ của người học sinh. ***Học lực** : 100% từ trung bình trở lên, trong đó loại 30 % trở lên; loại Khá 40% trở lên; * **Thi HSG cấp Tỉnh đạt:** 85 giải trở lên. * **Tốt nghiệp**: 100%; ***Đỗ ĐH ở nguyện vọng 1:** đạt 85% trở lên
		***Sức khỏe học sinh** : - Học sinh được cấp phát thuốc khi đau ốm thông thường và được hỗ trợ tiền thuốc khi nằm viện. Trường làm tốt công tác chăm sóc sức khỏe học đường, có biện pháp tích cực trong việc phòng chống các dịch bệnh thông thường, khám bệnh, không để xảy ra tai nạn thương tích và giao thông đối với HS. - Thông báo kịp thời tình hình sức khỏe học sinh đến gia đình sau mỗi kỳ học hoặc khi học sinh đi nằm viện. - Học sinh được vận động tiêm phòng đầy đủ các loại vacxin trong năm.		

		- Học sinh được đánh giá sức khỏe cuối năm theo QĐ số 53/2008/QĐ .BGDĐT ngày 18/9/2008 về việc Qui định đánh giá xếp loại thể lực HS-SV, dự kiến: Loại Tốt: 95 %; Loại Đạt: 5%; Chưa đạt: không. - Công tác phục vụ, nuôi dưỡng học sinh 3 bữa/ngày được đảm bảo đủ, đúng chế độ.		
VII	**Khả năng học tập tiếp tục của học sinh**	Đảm bảo kiến thức, kỹ năng để học lên lớp 11.	Đảm bảo kiến thức, kỹ năng để học lên lớp 12.	Đảm bảo kiến thức, kỹ năng để thi TNTHPT; học ĐH hoặc đi học nghề.

Điện Biên Phủ, ngày 30 tháng 6 năm 2021

Thủ trưởng đơn vị

(Ký tên và đóng dấu)

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO TỈNH ĐIỆN BIÊN
TRƯỜNG PHỔ THÔNG DÂN TỘC NỘI TRÚ TỈNH

Phạm Lệ Thanh

Biểu mẫu 10

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO ĐIỆN BIÊN
TRƯỜNG PT DTNT TỈNH ĐIỆN BIÊN

THÔNG BÁO
Công khai thông tin chất lượng giáo dục thực tế của trường PTDTNT tỉnh Điện Biên năm học 2020-2021

STT	Nội dung	Tổng số	Chia ra theo khối lớp			
			Lớp 10	Lớp 11	Lớp 12	
I	**Số học sinh chia theo hạnh kiểm**	**586**	**209**	**179**	**198**	
1	Tốt (tỷ lệ so với tổng số)	94.37	91.87	93.3	97.98	
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	5.29	7.18	6.7	2.02	
3	Trung bình (tỷ lệ so với tổng số)	0.34	0.96			
4	Yếu (tỷ lệ so với tổng số)					
II	**Số học sinh chia theo học lực**	**586**	**209**	**179**	**198**	
1	Giỏi (tỷ lệ so với tổng số)	29.69	16.27	34.64	39.39	
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)	55.97	60.77	63.13	44.44	
3	Trung bình (tỷ lệ so với tổng số)	14.33	22.97	2.23	16.16	
4	Yếu (tỷ lệ so với tổng số)					
5	Kém (tỷ lệ so với tổng số)					
III	**Tổng hợp kết quả cuối năm**	**586**	**209**	**179**	**198**	
1	Lên lớp (tỷ lệ so với tổng số)	100	100	100	100	
a	Học sinh giỏi (tỷ lệ so với tổng số)	29.2	16.3	33	39.4	
b	Học sinh tiên tiến (tỷ lệ so với tổng số)	58.4	60.8	64.8	50	
2	Thi lại (tỷ lệ so với tổng số)	0.34	0.95			
3	Lưu ban (tỷ lệ so với tổng số)					
4	Chuyển trường đến/đi(tỷ lệ so với tổng số)					
5	Bị đuổi học (tỷ lệ so với tổng số)					
6	Bỏ học (qua kỳ nghỉ hè năm trước và trong năm học) (tỷ lệ so với tổng số)					
IV	**Số học sinh đạt giải các kỳ thi học sinh giỏi**					
1	Cấp huyện					
2	Cấp tỉnh/thành phố	208	59	59	87	
3	Quốc gia, khu vực một số nước, quốc tế					

V	**Số học sinh dự xét hoặc dự thi tốt nghiệp**	198			198	
VI	**Số học sinh được công nhận tốt nghiệp**					
1	Giỏi (tỷ lệ so với tổng số)					
2	Khá (tỷ lệ so với tổng số)					
3	Trung bình (Tỷ lệ so với tổng số)					
VII	**Số học sinh thi đỗ đại học, cao đẳng** (tỷ lệ so với tổng số)					
VIII	**Số học sinh nam/số học sinh nữ**	220/366	75/134	58/121	87/111	
IX	**Số học sinh dân tộc thiểu số**	574	205	176	193	

Điện Biên Phủ, ngày 30 tháng 6 năm 2021

Thủ trưởng đơn vị

(Ký tên và đóng dấu)

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO TỈNH ĐIỆN BIÊN
TRƯỜNG PHỔ THÔNG DÂN TỘC NỘI TRÚ TỈNH

Phạm Lệ Thanh

Biểu mẫu 11

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO ĐIỆN BIÊN
TRƯỜNG PT DTNT TỈNH ĐIỆN BIÊN

THÔNG BÁO
Công khai thông tin cơ sở vật chất của trường PTDTNT tỉnh Điện Biên năm học 2021-2022

STT	Nội dung	Số lượng	Bình quân
I	**Số phòng học**	18	Số m^2/học sinh
II	**Loại phòng học**	18	-
1	Phòng học kiên cố	18	2.19
2	Phòng học bán kiên cố		-
3	Phòng học tạm		-
4	Phòng học nhờ		-
5	Số phòng học bộ môn	6	0.71
6	Số phòng học đa chức năng (có phương tiện nghe nhìn)	2	-
7	Bình quân lớp/phòng học	1/1	-
8	Bình quân học sinh/lớp	27.7	-
III	**Số điểm trường**		-
IV	**Tổng số diện tích đất (m^2)**	23834	47.7
V	**Tổng diện tích sân chơi, bãi tập (m^2)**	9271	18.54
VI	**Tổng diện tích các phòng**		
1	Diện tích phòng học (m^2)	972	1.95
2	Diện tích phòng học bộ môn (m^2)	464	0.93
3	Diện tích thư viện (m^2)	92	0.18
4	Diện tích nhà tập đa năng (Phòng giáo dục rèn luyện thể chất) (m^2)	870	1.74
5	*Diện tích phòng hoạt động Đoàn Đội, phòng truyền thống (m^2)*	115	0.23
VII	**Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu** (Đơn vị tính: bộ)		Số bộ/lớp
1	Tổng số thiết bị dạy học tối thiểu hiện có theo quy định	9	

1.1	Khối lớp10	3	
1.2	Khối lớp 11	3	
1.3	Khối lớp 12	3	
VIII	**Tổng số máy vi tính đang sử dụng phục vụ học tập** (Đơn vị tính: bộ)	56	Số học sinh/bộ 9
IX	**Tổng số thiết bị dùng chung khác**		Số thiết bị/lớp
1	Ti vi	10	
2	Cát xét	6	
3	Đầu Video/đầu đĩa	1	
4	Máy chiếu OverHead/projector/vật thể	24	

	Nội dung	Số lượng (m^2)
X	**Nhà bếp**	280
XI	**Nhà ăn**	500

	Nội dung	Số lượng phòng, tổng diện tích (m^2)	Số chỗ	Diện tích bình quân/chỗ
XII	**Phòng nghỉ cho học sinh**	56	500	
XIII	**Khu nội trú**	1680	500	3.36

XIV	**Nhà vệ sinh**	Dùng cho giáo viên	Dùng cho học sinh		Số m^2/học sinh	
			Chung	Nam/Nữ	Chung	Nam/Nữ
1	Đạt chuẩn vệ sinh*	4	46		0.26	
2	Chưa đạt chuẩn vệ sinh*					

	Nội dung	Có	Không
XV	**Nguồn nước sinh hoạt hợp vệ sinh**	x	
XVI	**Nguồn điện (lưới, phát điện riêng)**	x	
XVII	**Kết nối internet**	x	

XVIII	**Trang thông tin điện tử (website) của trường**	x	
XIX	**Tường rào xây**	x	

Điện Biên Phủ, ngày 30 tháng 6 năm 2021

Thủ trưởng đơn vị

(Ký tên và đóng dấu)

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO TỈNH ĐIỆN BIÊN
TRƯỜNG PHỔ THÔNG DÂN TỘC NỘI TRÚ TỈNH

Phạm Lệ Thanh

Biểu mẫu 12

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO ĐIỆN BIÊN
TRƯỜNG PT DTNT TỈNH ĐIỆN BIÊN

THÔNG BÁO

Công khai thông tin về đội ngũ nhà giáo, cán bộ quản lý và nhân viên của trường trường PTDTNT tỉnh Điện Biên năm học 2021-2022

STT	Nội dung	Tổng số	Trình độ đào tạo						Hạng chức danh nghề nghiệp			Chuẩn nghề nghiệp			
			TS	ThS	ĐH	CĐ	TC	Dưới TC	Hạng III	Hạng II	Hạng I	Tốt	Khá	Đạt	Chưa đạt
	Tổng số giáo viên, cán bộ quản lý và nhân viên	**66**		**21**	**32**	**1**	**5**	**2**	**34**	**11**					
I	**Giáo viên** Trong đó số giáo viên dạy môn:	**41**		**20**	**21**				**32**	**11**					
1	Toán	7		4	3				5	2					
2	Lý	4		3	1				2	2					
3	Hóa	5		4	1				4	1					
4	Sinh	2		2					1	1					
5	Địa	2		1	1				1	1					
6	Sử	4		2	2				3	1					
7	Văn	5			5				3	2					
8	Tiếng Anh	4			4				4						
9	Tin	2		2					1	1					
10	Thể dục	3			3				3						
11	Công nghệ	1			1				1						
12	Nghề	2		1	1				2						
II	**Cán bộ quản lý**	**2**		**1**	**1**				**2**						
1	Hiệu	1		1					1						

	trưởng														
2	Phó hiệu trưởng	1			1				1						
III	**Nhân viên**	**23**			**10**	**1**	**5**	**8**	**2**						
1	Nhân viên văn thư	1			1										
2	Nhân viên kế toán	1			1										
3	Thủ quỹ	1			1										
4	Nhân viên y tế	2					2								
5	Nhân viên thư viện	1			1										
6	Nhân viên thiết bị, thí nghiệm	2			2										
7	Nhân viên hỗ trợ giáo dục người huyết tật														
8	Nhân viên công nghệ thông tin														
9	Nhân viên giáo vụ	2			2				2						
10	Nhân viên bảo vệ	2					1	1							
11	Nhân viên lái xe	1						1							
12	Nhân viên cấp dưỡng	10			2	1	2	5							

Điện Biên Phủ, ngày 30 tháng 6 năm 2021

Thủ trưởng đơn vị

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO TỈNH ĐIỆN BIÊN TRƯỜNG PHỔ THÔNG DÂN TỘC NỘI TRÚ TỈNH

Phạm Lệ Thanh